

PHÒNG SỐ: 01

| ST T | Số báo danh | Lớp  | Họ và tên           |       | Ngày sinh  | Giới tính | Mã đề/ Số tờ | HS ký tên |
|------|-------------|------|---------------------|-------|------------|-----------|--------------|-----------|
| 1    | 011001      | 11A2 | Lê Thị Hoài         | An    | 19/08/2009 | Nữ        |              |           |
| 2    | 011002      | 11A2 | Đặng Hoàng Vy       | Anh   | 02/01/2009 | Nữ        |              |           |
| 3    | 011003      | 11A2 | Nguyễn Huỳnh Nguyên | Anh   | 27/08/2009 | Nam       |              |           |
| 4    | 011004      | 11A3 | Nguyễn Phương       | Anh   | 08/10/2009 | Nữ        |              |           |
| 5    | 011005      | 11A2 | Hồ Ngọc             | Ánh   | 31/08/2009 | Nữ        |              |           |
| 6    | 011006      | 11A2 | Đinh Công           | Bảo   | 14/02/2009 | Nam       |              |           |
| 7    | 011007      | 11A3 | Trần Quốc           | Bảo   | 07/05/2009 | Nam       |              |           |
| 8    | 011008      | 11A2 | Trịnh Ngọc Bảo      | Châu  | 26/07/2009 | Nữ        |              |           |
| 9    | 011009      | 11A3 | Phạm Đức            | Chung | 20/11/2009 | Nam       |              |           |
| 10   | 011010      | 11A2 | Nguyễn Minh         | Đạt   | 09/05/2009 | Nam       |              |           |
| 11   | 011011      | 11A3 | Dương Thành         | Đạt   | 15/01/2009 | Nam       |              |           |
| 12   | 011012      | 11A3 | Huỳnh Minh          | Đạt   | 15/12/2009 | Nam       |              |           |
| 13   | 011013      | 11A3 | Nguyễn Hồ Quốc      | Đạt   | 04/09/2009 | Nam       |              |           |
| 14   | 011014      | 11A3 | Nguyễn Thành        | Đạt   | 20/07/2009 | Nam       |              |           |
| 15   | 011015      | 11A2 | Trần Đình           | Đình  | 13/01/2009 | Nữ        |              |           |
| 16   | 011016      | 11A1 | Phạm Thùy           | Dung  | 28/02/2009 | Nữ        |              |           |
| 17   | 011017      | 11A2 | Nguyễn Đức          | Dương | 15/10/2009 | Nam       |              |           |
| 18   | 011018      | 11A3 | Lê Minh             | Dương | 08/04/2009 | Nam       |              |           |
| 19   | 011019      | 11A3 | Nguyễn Kiều         | Duyên | 28/12/2009 | Nữ        |              |           |
| 20   | 011020      | 11A1 | Võ Văn              | Giàu  | 18/06/2009 | Nam       |              |           |
| 21   | 011021      | 11A3 | Nguyễn Trần Minh    | Giàu  | 16/03/2009 | Nam       |              |           |
| 22   | 011022      | 11A3 | Huỳnh Ngọc          | Hà    | 06/04/2009 | Nữ        |              |           |
| 23   | 011023      | 11A2 | Đinh Gia            | Hân   | 22/01/2009 | Nữ        |              |           |
| 24   | 011024      | 11A1 | Phan Thị Cẩm        | Hằng  | 11/02/2009 | Nữ        |              |           |

Danh sách gồm có 24 học sinh

Số bài: ..... Số tờ: .....

Số HS vắng: .....

Họ và tên: .....Lớp: ..... SBD: .....

Lộc Ninh, ngày    tháng    năm

**Giáo viên coi kiểm tra**

(Ký ghi rõ họ và tên)

PHÒNG SỐ: 02

| ST T | Số báo danh | Lớp  | Họ và tên       |       | Ngày sinh  | Giới tính | Mã đề/ Số tờ | HS ký tên |
|------|-------------|------|-----------------|-------|------------|-----------|--------------|-----------|
| 1    | 011025      | 11A2 | Đào Thị Thu     | Hằng  | 09/01/2009 | Nữ        |              |           |
| 2    | 011026      | 11A2 | Lò Thị Bích     | Hằng  | 30/12/2009 | Nữ        |              |           |
| 3    | 011027      | 11A1 | Nguyễn Minh     | Hào   | 15/10/2009 | Nam       |              |           |
| 4    | 011028      | 11A3 | Nguyễn Hoàng    | Hiếu  | 17/08/2009 | Nam       |              |           |
| 5    | 011029      | 11A2 | Hồ Thị Ngọc     | Hoa   | 04/02/2009 | Nữ        |              |           |
| 6    | 011030      | 11A3 | Trần Đăng       | Hoàn  | 20/04/2009 | Nam       |              |           |
| 7    | 011031      | 11A1 | Nguyễn Huy      | Hoàng | 26/02/2009 | Nam       |              |           |
| 8    | 011032      | 11A1 | Trần Hà Huy     | Hoàng | 05/08/2008 | Nam       |              |           |
| 9    | 011033      | 11A3 | Trần Văn        | Hoàng | 12/04/2009 | Nam       |              |           |
| 10   | 011034      | 11A1 | Võ Lê Hòa       | Hưng  | 26/10/2009 | Nam       |              |           |
| 11   | 011035      | 11A1 | Hoàng Mai Diễm  | Hương | 10/11/2009 | Nữ        |              |           |
| 12   | 011036      | 11A1 | Lê Quốc         | Huy   | 23/11/2009 | Nam       |              |           |
| 13   | 011037      | 11A1 | Nguyễn Gia      | Huy   | 01/06/2009 | Nam       |              |           |
| 14   | 011038      | 11A1 | Thân Đức        | Huy   | 28/09/2009 | Nam       |              |           |
| 15   | 011039      | 11A3 | Đỗ Đình         | Huy   | 10/04/2009 | Nam       |              |           |
| 16   | 011040      | 11A2 | Đỗ Thị Bích     | Huyền | 15/06/2009 | Nữ        |              |           |
| 17   | 011041      | 11A1 | Hoàng Huy       | Khang | 04/09/2009 | Nam       |              |           |
| 18   | 011042      | 11A2 | Vũ Nhật         | Khang | 27/07/2009 | Nam       |              |           |
| 19   | 011043      | 11A3 | Lâm Duy         | Khang | 25/06/2009 | Nam       |              |           |
| 20   | 011044      | 11A3 | Lê Đình Minh    | Khang | 19/08/2009 | Nam       |              |           |
| 21   | 011045      | 11A3 | Nguyễn Tuấn     | Khang | 31/05/2009 | Nam       |              |           |
| 22   | 011046      | 11A2 | Nguyễn Duy      | Khanh | 15/11/2009 | Nam       |              |           |
| 23   | 011047      | 11A1 | Nguyễn Văn Đăng | Khoa  | 06/01/2009 | Nam       |              |           |
| 24   | 011048      | 11A2 | Tổng Dương Anh  | Khoa  | 02/08/2009 | Nam       |              |           |

Danh sách gồm có 24 học sinh

Số bài: ..... Số tờ: .....

Số HS vắng: .....

Họ và tên: .....Lớp: ..... SBD: .....

Lộc Ninh, ngày    tháng    năm

Giáo viên coi kiểm tra

(Ký ghi rõ họ và tên)

KHỐI 11

PHÒNG SỐ: 03

| ST<br>T | Số báo<br>danh | Lớp  | Họ và tên          |        | Ngày sinh  | Giới<br>tính | Mã đề/<br>Số tờ | HS ký tên |
|---------|----------------|------|--------------------|--------|------------|--------------|-----------------|-----------|
| 1       | 011049         | 11A3 | Lê Phước Đăng      | Khoa   | 16/06/2009 | Nam          |                 |           |
| 2       | 011050         | 11A1 | Huỳnh Minh         | Khôi   | 21/01/2009 | Nam          |                 |           |
| 3       | 011051         | 11A2 | Nguyễn Viết Thanh  | Khuyên | 01/12/2009 | Nam          |                 |           |
| 4       | 011052         | 11A1 | Trịnh Thị Khánh    | Lam    | 01/01/2009 | Nữ           |                 |           |
| 5       | 011053         | 11A3 | Nguyễn Ngọc Yến    | Linh   | 30/10/2009 | Nữ           |                 |           |
| 6       | 011054         | 11A2 | Nguyễn Minh        | Long   | 08/01/2009 | Nam          |                 |           |
| 7       | 011055         | 11A3 | Lâm Nhật           | Long   | 16/05/2009 | Nam          |                 |           |
| 8       | 011056         | 11A2 | Lê Hải             | Luân   | 14/12/2009 | Nam          |                 |           |
| 9       | 011057         | 11A1 | Dương Thị Thanh    | Mai    | 18/12/2009 | Nữ           |                 |           |
| 10      | 011058         | 11A2 | Nguyễn Hải         | My     | 19/11/2009 | Nữ           |                 |           |
| 11      | 011059         | 11A3 | Lê Thị Kiều        | My     | 13/01/2009 | Nữ           |                 |           |
| 12      | 011060         | 11A1 | Trần Thông         | Nam    | 05/12/2009 | Nam          |                 |           |
| 13      | 011061         | 11A1 | Trần Thị Kim       | Ngân   | 21/03/2009 | Nữ           |                 |           |
| 14      | 011062         | 11A3 | Hà Thuý            | Ngân   | 20/07/2009 | Nữ           |                 |           |
| 15      | 011063         | 11A2 | Lê Đông Phương     | Nghi   | 24/06/2009 | Nữ           |                 |           |
| 16      | 011064         | 11A1 | Lê Kiều Như        | Ngọc   | 18/01/2009 | Nữ           |                 |           |
| 17      | 011065         | 11A1 | Trần Thanh Thảo    | Ngọc   | 14/10/2009 | Nữ           |                 |           |
| 18      | 011066         | 11A2 | Phan Ánh           | Ngọc   | 18/05/2009 | Nữ           |                 |           |
| 19      | 011067         | 11A3 | Đặng Thị Hồng      | Ngọc   | 21/09/2009 | Nữ           |                 |           |
| 20      | 011068         | 11A3 | Lê Bá              | Ngọc   | 05/06/2009 | Nam          |                 |           |
| 21      | 011069         | 11A1 | Lê Thảo            | Nguyên | 21/06/2009 | Nữ           |                 |           |
| 22      | 011070         | 11A1 | Nguyễn Quang Thiện | Nhân   | 10/04/2009 | Nam          |                 |           |
| 23      | 011071         | 11A3 | Lê Trịnh Trọng     | Nhân   | 31/08/2009 | Nam          |                 |           |
| 24      | 011072         | 11A3 | Quảng Trọng        | Nhân   | 13/07/2009 | Nam          |                 |           |

Danh sách gồm có 24 học sinh

Số bài: ..... Số tờ: .....

Lộc Ninh, ngày    tháng    năm 2025

Số HS vắng: .....

Giáo viên coi kiểm tra

Họ và tên: .....Lớp: ..... SBD: .....

(Ký ghi rõ họ và tên)

KHỐI 11

PHÒNG SỐ: 04

| ST T | Số báo danh | Lớp  | Họ và tên        |        | Ngày sinh  | Giới tính | Mã đề/<br>Số tờ | HS ký tên |
|------|-------------|------|------------------|--------|------------|-----------|-----------------|-----------|
| 1    | 011073      | 11A1 | Nghiêm Thị Lộc   | Nhi    | 22/09/2009 | Nữ        |                 |           |
| 2    | 011074      | 11A1 | Trần Thị Thảo    | Nhi    | 08/02/2009 | Nữ        |                 |           |
| 3    | 011075      | 11A1 | Trần Thị Yến     | Nhi    | 14/04/2009 | Nữ        |                 |           |
| 4    | 011076      | 11A2 | Cao Trần Phương  | Nhi    | 15/10/2009 | Nữ        |                 |           |
| 5    | 011077      | 11A2 | Nguyễn Ngọc Lan  | Nhi    | 28/02/2009 | Nữ        |                 |           |
| 6    | 011078      | 11A3 | Hoàng Ngọc Bảo   | Nhi    | 11/07/2009 | Nữ        |                 |           |
| 7    | 011079      | 11A3 | Phùng Thị Yến    | Nhi    | 03/11/2009 | Nữ        |                 |           |
| 8    | 011080      | 11A1 | Ngô Thị Quỳnh    | Như    | 28/12/2009 | Nữ        |                 |           |
| 9    | 011081      | 11A2 | Trần Thị Mỹ      | Nhung  | 04/05/2009 | Nữ        |                 |           |
| 10   | 011082      | 11A1 | Lê Hoàng         | Oanh   | 09/09/2009 | Nữ        |                 |           |
| 11   | 011083      | 11A3 | Đỗ Võ Hoàng      | Phong  | 16/11/2009 | Nam       |                 |           |
| 12   | 011084      | 11A3 | Huỳnh Thanh      | Phong  | 20/01/2009 | Nam       |                 |           |
| 13   | 011085      | 11A3 | Nguyễn Văn       | Phúc   | 16/11/2009 | Nam       |                 |           |
| 14   | 011086      | 11A1 | Mã Nguyễn Uyên   | Phương | 12/12/2009 | Nữ        |                 |           |
| 15   | 011087      | 11A2 | Trần Lý Kiều     | Phương | 15/02/2009 | Nữ        |                 |           |
| 16   | 011088      | 11A3 | Nguyễn Thị Hoàng | Phương | 07/10/2009 | Nữ        |                 |           |
| 17   | 011089      | 11A1 | Lê Minh          | Sang   | 13/01/2009 | Nam       |                 |           |
| 18   | 011090      | 11A3 | Nguyễn Minh      | Sỹ     | 13/11/2009 | Nam       |                 |           |
| 19   | 011091      | 11A2 | Lê Minh          | Tâm    | 24/08/2009 | Nữ        |                 |           |
| 20   | 011092      | 11A2 | Lê Nguyễn Hoài   | Tâm    | 31/01/2009 | Nữ        |                 |           |
| 21   | 011093      | 11A3 | Đỗ Ngọc Huy      | Thanh  | 04/07/2009 | Nữ        |                 |           |
| 22   | 011094      | 11A1 | Nguyễn Xuân      | Thành  | 25/04/2009 | Nam       |                 |           |
| 23   | 011095      | 11A1 | Vũ Minh          | Thành  | 12/06/2009 | Nam       |                 |           |
| 24   | 011096      | 11A3 | Đặng Nguyễn Minh | Thành  | 24/07/2009 | Nam       |                 |           |

Danh sách gồm có 24 học sinh

Số bài: ..... Số tờ: .....

Lộc Ninh, ngày tháng năm

Số HS vắng: .....

Giáo viên coi kiểm tra

Họ và tên: .....Lớp: ..... SBD: .....

(Ký ghi rõ họ và tên)

KHỐI 11

PHÒNG SỐ: 05

| ST<br>T | Số báo<br>danh | Lớp  | Họ và tên         |        | Ngày sinh  | Giới<br>tính | Mã đề/<br>Số tờ | HS ký tên |
|---------|----------------|------|-------------------|--------|------------|--------------|-----------------|-----------|
| 1       | 011097         | 11A1 | Đinh Thị Thanh    | Thảo   | 03/01/2009 | Nữ           |                 |           |
| 2       | 011098         | 11A2 | Lê Tiến           | Thảo   | 03/04/2009 | Nam          |                 |           |
| 3       | 011099         | 11A2 | Nguyễn Thị Minh   | Thư    | 31/01/2009 | Nữ           |                 |           |
| 4       | 011100         | 11A3 | Lê Kim Nhã        | Thư    | 14/02/2009 | Nữ           |                 |           |
| 5       | 011101         | 11A3 | Văn Phụng         | Thư    | 28/08/2009 | Nữ           |                 |           |
| 6       | 011102         | 11A1 | Nguyễn Hoàng Hiếu | Thuận  | 18/10/2009 | Nữ           |                 |           |
| 7       | 011103         | 11A2 | Lâm Minh          | Thuận  | 17/05/2009 | Nam          |                 |           |
| 8       | 011104         | 11A1 | Đỗ Đặng Hoài      | Thương | 15/07/2009 | Nữ           |                 |           |
| 9       | 011105         | 11A3 | Phan Thanh        | Thúy   | 11/12/2009 | Nữ           |                 |           |
| 10      | 011106         | 11A1 | Nguyễn Thị Như    | Thùy   | 01/12/2009 | Nữ           |                 |           |
| 11      | 011107         | 11A2 | Nguyễn Hoàng Minh | Thy    | 19/02/2009 | Nữ           |                 |           |
| 12      | 011108         | 11A1 | Lê Thị Ngọc       | Tiên   | 16/11/2009 | Nữ           |                 |           |
| 13      | 011109         | 11A1 | Vương Quang       | Tiến   | 07/10/2009 | Nam          |                 |           |
| 14      | 011110         | 11A1 | Mai Thị Bảo       | Trâm   | 11/11/2009 | Nữ           |                 |           |
| 15      | 011111         | 11A2 | Nguyễn Thùy       | Trang  | 15/04/2009 | Nữ           |                 |           |
| 16      | 011112         | 11A2 | Phạm Kiều Yến     | Trang  | 25/02/2009 | Nữ           |                 |           |
| 17      | 011113         | 11A1 | Bùi Thiên         | Trí    | 26/03/2009 | Nam          |                 |           |
| 18      | 011114         | 11A1 | Phan Đặng Đăng    | Trình  | 08/12/2009 | Nam          |                 |           |
| 19      | 011115         | 11A1 | Hoàng Chung Văn   | Trọng  | 12/09/2009 | Nam          |                 |           |
| 20      | 011116         | 11A1 | Nguyễn Trần Anh   | Tú     | 08/01/2009 | Nam          |                 |           |
| 21      | 011117         | 11A1 | Trần Thị Cẩm      | Tú     | 05/03/2009 | Nữ           |                 |           |
| 22      | 011118         | 11A2 | Trần Thanh        | Tú     | 25/05/2009 | Nam          |                 |           |
| 23      | 011119         | 11A1 | Lý Ngọc           | Tường  | 26/04/2009 | Nam          |                 |           |
| 24      | 011120         | 11A2 | Nguyễn Thị Hồng   | Vân    | 24/08/2009 | Nữ           |                 |           |

Danh sách gồm có 24 học sinh

Số bài: ..... Số tờ: .....

Số HS vắng: .....

Họ và tên: .....Lớp: ..... SBD: .....

Lộc Ninh, ngày      tháng      năm

Giáo viên coi kiểm tra

(Ký ghi rõ họ và tên)

KHỐI 11

PHÒNG SỐ: 06

| ST T | Số báo danh | Lớp  | Họ và tên             | Ngày sinh  | Giới tính | Mã đề/ Số tờ | HS ký tên |
|------|-------------|------|-----------------------|------------|-----------|--------------|-----------|
| 1    | 011121      | 11A1 | Đặng Hoàng Vũ         | 05/07/2009 | Nam       |              |           |
| 2    | 011122      | 11A1 | Trần Tuấn Vũ          | 07/10/2009 | Nam       |              |           |
| 3    | 011123      | 11A2 | Hoàng Thị Trường Vy   | 25/07/2009 | Nữ        |              |           |
| 4    | 011124      | 11A2 | Ngô Thảo Vy           | 23/10/2009 | Nữ        |              |           |
| 5    | 011125      | 11A2 | Phan Nguyễn Tường Vy  | 15/04/2009 | Nữ        |              |           |
| 6    | 011126      | 11A3 | Lê Hải Vy             | 11/10/2009 | Nữ        |              |           |
| 7    | 011127      | 11A3 | Nguyễn Đoàn Yến Vy    | 02/08/2009 | Nữ        |              |           |
| 8    | 011128      | 11A3 | Nguyễn Thị Hạ Vy      | 13/08/2009 | Nữ        |              |           |
| 9    | 011129      | 11A4 | Nguyễn Phước An       | 25/04/2009 | Nam       |              |           |
| 10   | 011130      | 11A4 | Lâm Thị Phương Anh    | 12/02/2009 | Nữ        |              |           |
| 11   | 011131      | 11A4 | Lương Nguyễn Bảo Anh  | 06/12/2009 | Nam       |              |           |
| 12   | 011132      | 11A4 | Lương Quế Anh         | 10/10/2009 | Nữ        |              |           |
| 13   | 011133      | 11A6 | Nguyễn Ngọc Anh       | 22/06/2009 | Nữ        |              |           |
| 14   | 011134      | 11A6 | Nguyễn Ngọc Quỳnh Anh | 12/03/2009 | Nữ        |              |           |
| 15   | 011135      | 11A5 | Bùi Thị Ngọc Ánh      | 20/06/2009 | Nữ        |              |           |
| 16   | 011136      | 11A6 | Trần Đăng Băng Băng   | 18/12/2009 | Nữ        |              |           |
| 17   | 011137      | 11A4 | Hoàng Gia Bảo         | 01/12/2009 | Nam       |              |           |
| 18   | 011138      | 11A5 | Huỳnh Gia Bảo         | 19/05/2009 | Nam       |              |           |
| 19   | 011139      | 11A5 | Nguyễn Huỳnh Gia Bảo  | 24/09/2009 | Nam       |              |           |
| 20   | 011140      | 11A5 | Phan Hồ Gia Bảo       | 16/10/2009 | Nam       |              |           |
| 21   | 011141      | 11A5 | Trần Gia Bảo          | 02/08/2009 | Nam       |              |           |
| 22   | 011142      | 11A6 | Lâm Thị Mỹ Bình       | 22/02/2009 | Nữ        |              |           |
| 23   | 011143      | 11A5 | Trần Ngọc Minh Châu   | 11/06/2009 | Nữ        |              |           |
| 24   | 011144      | 11A6 | Trần Thị Ngọc Châu    | 15/12/2009 | Nữ        |              |           |

Danh sách gồm có 24 học sinh

Số bài: ..... Số tờ: .....

Số HS vắng: .....

Họ và tên: .....Lớp: ..... SBD: .....

Lộc Ninh, ngày tháng năm

Giáo viên coi kiểm tra

(Ký ghi rõ họ và tên)

KHỐI 11

PHÒNG SỐ: 07

| ST T | Số báo danh | Lớp  | Họ và tên              | Ngày sinh  | Giới tính | Mã đề/ Số tờ | HS ký tên |
|------|-------------|------|------------------------|------------|-----------|--------------|-----------|
| 1    | 011145      | 11A6 | Thị Chi                | 25/02/2009 | Nữ        |              |           |
| 2    | 011146      | 11A5 | Nguyễn Đình Công Chính | 10/03/2009 | Nam       |              |           |
| 3    | 011147      | 11A4 | Vũ Phương Anh Đào      | 14/03/2009 | Nữ        |              |           |
| 4    | 011148      | 11A5 | Mã Văn Minh Đạt        | 26/03/2009 | Nam       |              |           |
| 5    | 011149      | 11A4 | Vũ Thị Diệu            | 28/02/2009 | Nữ        |              |           |
| 6    | 011150      | 11A6 | Trần Ngọc Dịu          | 06/03/2009 | Nữ        |              |           |
| 7    | 011151      | 11A4 | Phạm Thị Hải Dương     | 26/07/2009 | Nữ        |              |           |
| 8    | 011152      | 11A4 | Phạm Thị Thùy Dương    | 26/07/2009 | Nữ        |              |           |
| 9    | 011153      | 11A4 | Lê Cảnh Duy            | 31/01/2009 | Nam       |              |           |
| 10   | 011154      | 11A6 | Trần Anh Duy           | 10/10/2009 | Nam       |              |           |
| 11   | 011155      | 11A6 | Lê Thị Mỹ Duyên        | 22/06/2009 | Nữ        |              |           |
| 12   | 011156      | 11A4 | Nguyễn Nhật Hào        | 08/05/2009 | Nam       |              |           |
| 13   | 011157      | 11A5 | Võ Duy Hạo             | 22/06/2009 | Nam       |              |           |
| 14   | 011158      | 11A6 | Đặng Thị Thu Hiền      | 10/01/2009 | Nữ        |              |           |
| 15   | 011159      | 11A6 | Phan Phước Hiệp        | 19/04/2009 | Nam       |              |           |
| 16   | 011160      | 11A5 | Hà Minh Hoàng          | 04/09/2009 | Nam       |              |           |
| 17   | 011161      | 11A6 | Nguyễn Duy Hoàng       | 18/02/2009 | Nam       |              |           |
| 18   | 011162      | 11A6 | Châu Kim Huệ           | 20/01/2009 | Nữ        |              |           |
| 19   | 011163      | 11A6 | Hoàng Phi Hùng         | 07/06/2009 | Nam       |              |           |
| 20   | 011164      | 11A6 | Phạm Tiến Hưng         | 11/01/2009 | Nam       |              |           |
| 21   | 011165      | 11A6 | Nguyễn Văn Hưởng       | 21/03/2009 | Nam       |              |           |
| 22   | 011166      | 11A5 | Nguyễn Minh Huy        | 04/06/2009 | Nam       |              |           |
| 23   | 011167      | 11A6 | Trần Quốc Huy          | 18/01/2009 | Nam       |              |           |
| 24   | 011168      | 11A4 | Đoàn Thế Khải          | 10/05/2009 | Nam       |              |           |

Danh sách gồm có 24 học sinh

Số bài: ..... Số tờ: .....

Lộc Ninh, ngày tháng năm

Số HS vắng: .....

Giáo viên coi kiểm tra

Họ và tên: .....Lớp: ..... SBD: .....

(Ký ghi rõ họ và tên)

KHỐI 11

PHÒNG SỐ: 08

| ST<br>T | Số báo<br>danh | Lớp  | Họ và tên        |        | Ngày sinh  | Giới<br>tính | Mã đề/<br>Số tờ | HS ký tên |
|---------|----------------|------|------------------|--------|------------|--------------|-----------------|-----------|
| 1       | 011169         | 11A5 | Nguyễn Minh      | Khang  | 02/08/2009 | Nam          |                 |           |
| 2       | 011170         | 11A5 | Phạm Trần Duy    | Khang  | 19/11/2009 | Nam          |                 |           |
| 3       | 011171         | 11A5 | Đỗ Anh           | Khoa   | 20/03/2009 | Nam          |                 |           |
| 4       | 011172         | 11A6 | Nguyễn Anh       | Khoa   | 14/05/2009 | Nam          |                 |           |
| 5       | 011173         | 11A4 | Ngô Thị Thanh    | Kim    | 20/10/2009 | Nữ           |                 |           |
| 6       | 011174         | 11A5 | Lâm Ươn Sây      | La     | 15/08/2009 | Nam          |                 |           |
| 7       | 011175         | 11A4 | Lê Kiều          | Lam    | 27/05/2009 | Nữ           |                 |           |
| 8       | 011176         | 11A5 | Trần Đại         | Lộc    | 14/07/2009 | Nam          |                 |           |
| 9       | 011177         | 11A4 | Nguyễn Thị Yên   | Lợi    | 16/09/2009 | Nữ           |                 |           |
| 10      | 011178         | 11A5 | Võ Thanh         | Long   | 11/06/2009 | Nam          |                 |           |
| 11      | 011179         | 11A4 | Nguyễn Thị Thùy  | Mai    | 04/03/2009 | Nữ           |                 |           |
| 12      | 011180         | 11A5 | Tổng Nguyễn Xuân | Mai    | 25/02/2009 | Nữ           |                 |           |
| 13      | 011181         | 11A5 | Trần Dương Gia   | Mẫn    | 29/05/2009 | Nữ           |                 |           |
| 14      | 011182         | 11A6 | Ngô Minh         | Mẫn    | 18/01/2009 | Nam          |                 |           |
| 15      | 011183         | 11A4 | Nguyễn Thành     | Nam    | 08/07/2009 | Nam          |                 |           |
| 16      | 011184         | 11A6 | Nguyễn Hoàng Bảo | Nam    | 15/08/2009 | Nam          |                 |           |
| 17      | 011185         | 11A4 | Trương Thị Thu   | Ngân   | 10/10/2009 | Nữ           |                 |           |
| 18      | 011186         | 11A4 | Lê Hoàng Mẫn     | Nghi   | 19/08/2009 | Nữ           |                 |           |
| 19      | 011187         | 11A5 | Lại Duy          | Nghĩa  | 07/12/2009 | Nam          |                 |           |
| 20      | 011188         | 11A5 | Đoàn Thị Bích    | Ngọc   | 17/11/2009 | Nữ           |                 |           |
| 21      | 011189         | 11A6 | Nguyễn Bảo       | Ngọc   | 14/08/2009 | Nữ           |                 |           |
| 22      | 011190         | 11A6 | Nguyễn Thị Thúy  | Ngọc   | 23/03/2009 | Nữ           |                 |           |
| 23      | 011191         | 11A5 | Hoàng Thị Thảo   | Nguyên | 15/08/2009 | Nữ           |                 |           |
| 24      | 011192         | 11A5 | Đỗ Thị Thanh     | Nhàn   | 18/12/2009 | Nữ           |                 |           |

Danh sách gồm có 24 học sinh

Số bài: ..... Số tờ: .....

Lộc Ninh, ngày      tháng      năm

Số HS vắng: .....

Giáo viên coi kiểm tra

Họ và tên: .....Lớp: ..... SBD: .....

(Ký ghi rõ họ và tên)

KHỐI 11

PHÒNG SỐ: 09

| ST<br>T | Số báo<br>danh | Lớp  | Họ và tên         |        | Ngày sinh  | Giới<br>tính | Mã đề/<br>Số tờ | HS ký tên |
|---------|----------------|------|-------------------|--------|------------|--------------|-----------------|-----------|
| 1       | 011193         | 11A6 | Phạm Thanh        | Nhân   | 28/08/2009 | Nam          |                 |           |
| 2       | 011194         | 11A5 | Hà Duy            | Nhật   | 09/03/2009 | Nam          |                 |           |
| 3       | 011195         | 11A5 | Lâm Thị Xuân      | Nhi    | 18/05/2009 | Nữ           |                 |           |
| 4       | 011196         | 11A6 | Nguyễn Ngọc Bảo   | Như    | 24/12/2009 | Nữ           |                 |           |
| 5       | 011197         | 11A4 | Trần Thị Hồng     | Nhung  | 05/06/2009 | Nữ           |                 |           |
| 6       | 011198         | 11A5 | Nguyễn Thị Kim    | Nhung  | 09/09/2009 | Nữ           |                 |           |
| 7       | 011199         | 11A6 | Lâm Thị Xây       | Ních   | 24/10/2009 | Nữ           |                 |           |
| 8       | 011200         | 11A4 | Cao Thiên         | Phú    | 25/08/2009 | Nam          |                 |           |
| 9       | 011201         | 11A4 | Nguyễn Đình       | Phú    | 05/07/2009 | Nam          |                 |           |
| 10      | 011202         | 11A6 | Nguyễn Thành      | Phúc   | 28/04/2009 | Nam          |                 |           |
| 11      | 011203         | 11A4 | Lê Thu            | Phương | 10/05/2009 | Nữ           |                 |           |
| 12      | 011204         | 11A6 | Châu Ngọc         | Son    | 29/10/2009 | Nam          |                 |           |
| 13      | 011205         | 11A6 | Mai Xuân          | Son    | 30/08/2009 | Nam          |                 |           |
| 14      | 011206         | 11A6 | Nguyễn Thị Thảo   | Sương  | 04/03/2009 | Nữ           |                 |           |
| 15      | 011207         | 11A5 | Phạm Minh         | Tâm    | 06/04/2009 | Nữ           |                 |           |
| 16      | 011208         | 11A4 | Nguyễn Mai Sinh   | Thái   | 12/04/2009 | Nam          |                 |           |
| 17      | 011209         | 11A4 | Nguyễn Thanh      | Thảo   | 20/10/2009 | Nữ           |                 |           |
| 18      | 011210         | 11A4 | Nguyễn Thị Phương | Thảo   | 29/09/2009 | Nữ           |                 |           |
| 19      | 011211         | 11A5 | Lê Thị Thanh      | Thảo   | 17/12/2009 | Nữ           |                 |           |
| 20      | 011212         | 11A4 | Nguyễn Tiến       | Thi    | 17/01/2009 | Nam          |                 |           |
| 21      | 011213         | 11A4 | Hoàng Ngọc Anh    | Thư    | 13/08/2009 | Nữ           |                 |           |
| 22      | 011214         | 11A4 | Lê Anh            | Thư    | 17/05/2009 | Nữ           |                 |           |
| 23      | 011215         | 11A4 | Nguyễn Thị Anh    | Thư    | 01/04/2009 | Nữ           |                 |           |
| 24      | 011216         | 11A6 | Nguyễn Minh       | Thuận  | 28/09/2008 | Nam          |                 |           |

Danh sách gồm có 24 học sinh

Số bài: ..... Số tờ: .....

Lộc Ninh, ngày    tháng    năm

Số HS vắng: .....

Giáo viên coi kiểm tra

Họ và tên: .....Lớp: ..... SBD: .....

(Ký ghi rõ họ và tên)

KHỐI 11

PHÒNG SỐ: 10

| ST T | Số báo danh | Lớp  | Họ và tên        |       | Ngày sinh  | Giới tính | Mã đề/ Số tờ | HS ký tên |
|------|-------------|------|------------------|-------|------------|-----------|--------------|-----------|
| 1    | 011217      | 11A6 | Nguyễn Thị Thanh | Thúy  | 01/04/2009 | Nữ        |              |           |
| 2    | 011218      | 11A5 | Đỗ Thị Thu       | Thúy  | 07/06/2009 | Nữ        |              |           |
| 3    | 011219      | 11A5 | Lê Thị           | Thủy  | 31/12/2009 | Nữ        |              |           |
| 4    | 011220      | 11A6 | Lê Thị Thu       | Thủy  | 18/05/2009 | Nữ        |              |           |
| 5    | 011221      | 11A5 | Phan Thị Mỹ      | Tiên  | 30/04/2009 | Nữ        |              |           |
| 6    | 011222      | 11A5 | Trần             | Tiến  | 02/11/2007 | Nam       |              |           |
| 7    | 011223      | 11A5 | Nguyễn Bảo       | Trâm  | 21/08/2009 | Nữ        |              |           |
| 8    | 011224      | 11A5 | Nguyễn Thị Thùy  | Trâm  | 11/02/2009 | Nữ        |              |           |
| 9    | 011225      | 11A4 | Nguyễn Mai Bảo   | Trân  | 15/11/2009 | Nữ        |              |           |
| 10   | 011226      | 11A4 | Từ Thiện         | Trân  | 16/01/2009 | Nữ        |              |           |
| 11   | 011227      | 11A5 | Lâm Minh         | Trí   | 20/04/2009 | Nam       |              |           |
| 12   | 011228      | 11A4 | Từ Lê            | Trinh | 17/01/2009 | Nữ        |              |           |
| 13   | 011229      | 11A4 | Hoàng Thiên      | Trúc  | 21/08/2009 | Nữ        |              |           |
| 14   | 011230      | 11A5 | Võ Kim           | Tuyển | 13/03/2009 | Nữ        |              |           |
| 15   | 011231      | 11A6 | Dương Thị Thanh  | Tuyết | 30/11/2009 | Nữ        |              |           |
| 16   | 011232      | 11A4 | Phạm Đỗ Như      | Uyên  | 31/12/2009 | Nữ        |              |           |
| 17   | 011233      | 11A6 | Bùi Thị Mỹ       | Uyên  | 20/05/2009 | Nữ        |              |           |
| 18   | 011234      | 11A4 | Cao Thị Thúy     | Vân   | 27/12/2009 | Nữ        |              |           |
| 19   | 011235      | 11A5 | Nguyễn Thị Thu   | Vân   | 02/02/2009 | Nữ        |              |           |
| 20   | 011236      | 11A6 | Đặng Thị Thảo    | Vi    | 29/08/2009 | Nữ        |              |           |
| 21   | 011237      | 11A6 | Điền Thành       | Vĩ    | 02/07/2008 | Nam       |              |           |
| 22   | 011238      | 11A4 | Trần Thị Yến     | Vy    | 16/09/2009 | Nữ        |              |           |
| 23   | 011239      | 11A6 | Lâm Thị Sa       | Vy    | 02/05/2009 | Nữ        |              |           |
| 24   | 011240      | 11A4 | Bùi Hồ Kim       | Xuân  | 15/06/2009 | Nữ        |              |           |

Danh sách gồm có 24 học sinh

Số bài: ..... Số tờ: .....

Số HS vắng: .....

Họ và tên: .....Lớp: ..... SBD: .....

Lộc Ninh, ngày      tháng      năm

Giáo viên coi kiểm tra

(Ký ghi rõ họ và tên)

KHỐI 11

PHÒNG SỐ: 11

| ST T | Số báo danh | Lớp   | Họ và tên            | Ngày sinh  | Giới tính | Mã đề/<br>Số tờ | HS ký tên |
|------|-------------|-------|----------------------|------------|-----------|-----------------|-----------|
| 1    | 011241      | 11A6  | Trịnh Thị Xuân       | 24/07/2009 | Nữ        |                 |           |
| 2    | 011242      | 11A4  | Lâm Thị Như Ý        | 18/08/2009 | Nữ        |                 |           |
| 3    | 011243      | 11A6  | Nguyễn Thị Như Ý     | 03/06/2008 | Nữ        |                 |           |
| 4    | 011244      | 11A5  | Dương Hoàng Yến      | 28/01/2009 | Nữ        |                 |           |
| 5    | 011245      | 11A6  | Nguyễn Thị Ngọc Yến  | 22/03/2009 | Nữ        |                 |           |
| 6    | 011246      | 11A8  | Đỗ Vũ Hoài An        | 28/11/2009 | Nữ        |                 |           |
| 7    | 011247      | 11A7  | Hoàng Mai Anh        | 21/05/2009 | Nữ        |                 |           |
| 8    | 011248      | 11A9  | Mai Phạm Hồng Anh    | 13/08/2009 | Nữ        |                 |           |
| 9    | 011249      | 11A10 | Tôn Thất Anh         | 14/01/2008 | Nam       |                 |           |
| 10   | 011250      | 11A9  | Nguyễn Ngọc Ánh      | 17/12/2009 | Nữ        |                 |           |
| 11   | 011251      | 11A8  | Phan Ngọc Tuyết Băng | 09/01/2009 | Nữ        |                 |           |
| 12   | 011252      | 11A7  | Lâm Gia Bảo          | 02/12/2009 | Nam       |                 |           |
| 13   | 011253      | 11A7  | Nguyễn Duy Bảo       | 21/01/2009 | Nam       |                 |           |
| 14   | 011254      | 11A7  | Nguyễn Hoàng Bảo     | 18/02/2009 | Nam       |                 |           |
| 15   | 011255      | 11A7  | Nguyễn Quốc Bảo      | 10/02/2009 | Nam       |                 |           |
| 16   | 011256      | 11A8  | Trần Gia Bảo         | 23/02/2007 | Nam       |                 |           |
| 17   | 011257      | 11A9  | Mai Gia Bảo          | 16/12/2009 | Nam       |                 |           |
| 18   | 011258      | 11A8  | Hồ Xuân Quốc Bình    | 20/08/2009 | Nam       |                 |           |
| 19   | 011259      | 11A7  | Lê Nguyễn Bảo Châu   | 04/10/2009 | Nữ        |                 |           |
| 20   | 011260      | 11A7  | Nguyễn Hoàng Châu    | 09/02/2009 | Nữ        |                 |           |
| 21   | 011261      | 11A8  | Nguyễn Thị Ngọc Châu | 19/05/2009 | Nữ        |                 |           |
| 22   | 011262      | 11A7  | Mai Phương Chi       | 03/12/2009 | Nữ        |                 |           |
| 23   | 011263      | 11A9  | Dương Thị Ngọc Chi   | 16/03/2009 | Nữ        |                 |           |
| 24   | 011264      | 11A7  | Nguyễn Thành Chí     | 06/01/2009 | Nam       |                 |           |

Danh sách gồm có 24 học sinh

Số bài: ..... Số tờ: .....

Số HS vắng: .....

Họ và tên: .....Lớp: ..... SBD: .....

Lộc Ninh, ngày tháng năm

Giáo viên coi kiểm tra

(Ký ghi rõ họ và tên)

| ST T | Số báo danh | Lớp   | Họ và tên               | Ngày sinh  | Giới tính | Mã đề/<br>Số tờ | HS ký tên |
|------|-------------|-------|-------------------------|------------|-----------|-----------------|-----------|
| 1    | 011265      | 11A9  | Phạm Lê Đăng            | 01/02/2009 | Nam       |                 |           |
| 2    | 011266      | 11A10 | Nguyễn Tuấn Đạt         | 11/02/2009 | Nam       |                 |           |
| 3    | 011267      | 11A10 | Nguyễn Lương Thanh Diệp | 11/03/2009 | Nữ        |                 |           |
| 4    | 011268      | 11A10 | Lại Thùy Dung           | 11/11/2009 | Nữ        |                 |           |
| 5    | 011269      | 11A10 | Lê Nguyễn Thùy Dương    | 04/09/2009 | Nữ        |                 |           |
| 6    | 011270      | 11A10 | Đinh Bảo Duy            | 26/02/2009 | Nam       |                 |           |
| 7    | 011271      | 11A10 | Nguyễn Tấn Duy          | 19/12/2009 | Nam       |                 |           |
| 8    | 011272      | 11A10 | Võ Phương Duy           | 30/11/2008 | Nam       |                 |           |
| 9    | 011273      | 11A7  | Đoàn Thị Mỹ Duyên       | 11/03/2009 | Nữ        |                 |           |
| 10   | 011274      | 11A8  | Đỗ Nguyên Giáp          | 24/06/2009 | Nam       |                 |           |
| 11   | 011275      | 11A7  | Nguyễn Hà Gia Hải       | 29/05/2009 | Nam       |                 |           |
| 12   | 011276      | 11A7  | Võ Hoàng Hải            | 19/05/2009 | Nam       |                 |           |
| 13   | 011277      | 11A8  | Nguyễn Chí Hải          | 12/05/2009 | Nam       |                 |           |
| 14   | 011278      | 11A8  | Bế Thị Gia Hân          | 13/06/2009 | Nữ        |                 |           |
| 15   | 011279      | 11A8  | Nguyễn Gia Hân          | 22/05/2009 | Nữ        |                 |           |
| 16   | 011280      | 11A10 | Huỳnh Thị Thúy Hằng     | 10/07/2009 | Nữ        |                 |           |
| 17   | 011281      | 11A8  | Thị Ngọc Hạnh           | 02/01/2009 | Nữ        |                 |           |
| 18   | 011282      | 11A9  | Lê Thị Ngọc Hiền        | 29/06/2009 | Nữ        |                 |           |
| 19   | 011283      | 11A7  | Nguyễn Minh Hiếu        | 17/05/2009 | Nam       |                 |           |
| 20   | 011284      | 11A8  | Nguyễn Trung Hiếu       | 22/01/2008 | Nam       |                 |           |
| 21   | 011285      | 11A9  | Trần Văn Hiếu           | 16/03/2009 | Nam       |                 |           |
| 22   | 011286      | 11A7  | Huỳnh Lê Thanh Hoa      | 11/12/2009 | Nữ        |                 |           |
| 23   | 011287      | 11A9  | Trần Lê Quỳnh Hoa       | 24/02/2009 | Nữ        |                 |           |
| 24   | 011288      | 11A8  | Nguyễn Huy Hoàng        | 01/03/2009 | Nam       |                 |           |

Danh sách gồm có 24 học sinh

Số bài: ..... Số tờ: .....

Số HS vắng: .....

Họ và tên: .....Lớp: ..... SBD: .....

Lộc Ninh, ngày tháng năm

Giáo viên coi kiểm tra

(Ký ghi rõ họ và tên)

KHỐI 11

PHÒNG SỐ: 13

| ST T | Số báo danh | Lớp   | Họ và tên         |       | Ngày sinh  | Giới tính | Mã đề/<br>Số tờ | HS ký tên |
|------|-------------|-------|-------------------|-------|------------|-----------|-----------------|-----------|
| 1    | 011289      | 11A9  | Trần Ngọc Minh    | Hoàng | 26/04/2009 | Nam       |                 |           |
| 2    | 011290      | 11A9  | Đặng Phi          | Hùng  | 01/04/2009 | Nam       |                 |           |
| 3    | 011291      | 11A9  | Lê Văn            | Hùng  | 14/11/2009 | Nam       |                 |           |
| 4    | 011292      | 11A8  | Hoàng Khánh       | Hưng  | 09/11/2009 | Nam       |                 |           |
| 5    | 011293      | 11A7  | Nguyễn Thị Thúy   | Hương | 10/05/2009 | Nữ        |                 |           |
| 6    | 011294      | 11A9  | Võ Thị Thu        | Hương | 12/01/2009 | Nữ        |                 |           |
| 7    | 011295      | 11A7  | Hoàng Đắc         | Huy   | 27/04/2009 | Nam       |                 |           |
| 8    | 011296      | 11A9  | Lương Công        | Huy   | 16/11/2009 | Nam       |                 |           |
| 9    | 011297      | 11A10 | Dương Bá          | Huy   | 23/09/2009 | Nam       |                 |           |
| 10   | 011298      | 11A10 | Đặng Quốc         | Huy   | 02/08/2009 | Nam       |                 |           |
| 11   | 011299      | 11A10 | Mai Hoàng Quốc    | Huy   | 07/06/2008 | Nam       |                 |           |
| 12   | 011300      | 11A10 | Phạm Gia          | Huy   | 20/12/2009 | Nam       |                 |           |
| 13   | 011301      | 11A10 | Trương Đan        | Huy   | 07/01/2009 | Nam       |                 |           |
| 14   | 011302      | 11A10 | Võ Nguyễn Đăng    | Huy   | 22/06/2009 | Nam       |                 |           |
| 15   | 011303      | 11A9  | Đặng Thị Lam      | Huyền | 12/11/2009 | Nữ        |                 |           |
| 16   | 011304      | 11A7  | Trần Phước        | Kiệt  | 12/08/2009 | Nam       |                 |           |
| 17   | 011305      | 11A9  | Nguyễn Anh        | Kiệt  | 12/02/2009 | Nam       |                 |           |
| 18   | 011306      | 11A9  | Nguyễn Tuấn       | Kiệt  | 05/08/2009 | Nam       |                 |           |
| 19   | 011307      | 11A9  | Nguyễn Văn Gia    | Lạc   | 23/03/2009 | Nam       |                 |           |
| 20   | 011308      | 11A8  | Dương Trần Phương | Lâm   | 26/02/2009 | Nam       |                 |           |
| 21   | 011309      | 11A9  | Vũ Thành          | Lâm   | 06/07/2009 | Nam       |                 |           |
| 22   | 011310      | 11A10 | Lê Cao Thanh      | Lâm   | 27/03/2009 | Nam       |                 |           |
| 23   | 011311      | 11A8  | Lê Văn            | Lân   | 22/11/2009 | Nam       |                 |           |
| 24   | 011312      | 11A8  | Điêu Thị Mỹ       | Liên  | 26/08/2009 | Nữ        |                 |           |

Danh sách gồm có 24 học sinh

Số bài: ..... Số tờ: .....

Số HS vắng: .....

Họ và tên: .....Lớp: ..... SBD: .....

Lộc Ninh, ngày tháng năm

Giáo viên coi kiểm tra

(Ký ghi rõ họ và tên)

**KHỐI 11**

**PHÒNG SỐ: 14**

| ST T | Số báo danh | Lớp   | Họ và tên        |        | Ngày sinh  | Giới tính | Mã đề/<br>Số tờ | HS ký tên |
|------|-------------|-------|------------------|--------|------------|-----------|-----------------|-----------|
| 1    | 011313      | 11A9  | Vũ Hồ Phương     | Linh   | 13/10/2009 | Nữ        |                 |           |
| 2    | 011314      | 11A10 | Nguyễn Thị Thùy  | Linh   | 25/10/2009 | Nữ        |                 |           |
| 3    | 011315      | 11A7  | Đỗ Văn           | Lộc    | 26/10/2009 | Nam       |                 |           |
| 4    | 011316      | 11A9  | Lê Văn           | Luật   | 19/06/2009 | Nam       |                 |           |
| 5    | 011317      | 11A9  | Nguyễn Thị Diệu  | Mai    | 14/08/2009 | Nữ        |                 |           |
| 6    | 011318      | 11A10 | Trần Trọng       | Mẫn    | 16/11/2009 | Nam       |                 |           |
| 7    | 011319      | 11A7  | Phạm Huy         | Mạnh   | 31/07/2009 | Nam       |                 |           |
| 8    | 011320      | 11A10 | Nguyễn Hoàng     | Minh   | 01/09/2009 | Nam       |                 |           |
| 9    | 011321      | 11A9  | Vũ Lâm Trà       | My     | 15/06/2009 | Nữ        |                 |           |
| 10   | 011322      | 11A8  | Trịnh Công       | Nam    | 15/06/2009 | Nam       |                 |           |
| 11   | 011323      | 11A10 | Nguyễn Hồng      | Nam    | 16/06/2008 | Nam       |                 |           |
| 12   | 011324      | 11A10 | Nguyễn Trung     | Nam    | 29/07/2009 | Nam       |                 |           |
| 13   | 011325      | 11A8  | Trần Hoàng Kim   | Ngân   | 20/08/2009 | Nữ        |                 |           |
| 14   | 011326      | 11A10 | Thị Bảo          | Ngân   | 15/07/2009 | Nữ        |                 |           |
| 15   | 011327      | 11A10 | Nguyễn Bá        | Nghĩa  | 23/07/2009 | Nam       |                 |           |
| 16   | 011328      | 11A8  | Đặng Thị Khánh   | Ngọc   | 16/02/2009 | Nữ        |                 |           |
| 17   | 011329      | 11A8  | Nguyễn Hoàng Kim | Ngọc   | 11/10/2009 | Nữ        |                 |           |
| 18   | 011330      | 11A8  | Trần Phan Bảo    | Ngọc   | 17/07/2009 | Nữ        |                 |           |
| 19   | 011331      | 11A9  | Cao Thị Hồng     | Ngọc   | 10/07/2009 | Nữ        |                 |           |
| 20   | 011332      | 11A10 | Lê Thị Như       | Ngọc   | 09/02/2009 | Nữ        |                 |           |
| 21   | 011333      | 11A10 | Nguyễn Bảo       | Ngọc   | 31/03/2009 | Nữ        |                 |           |
| 22   | 011334      | 11A8  | Nguyễn Thị Kim   | Nguyên | 07/11/2009 | Nữ        |                 |           |
| 23   | 011335      | 11A10 | Võ Thị Thanh     | Nhàn   | 29/07/2009 | Nữ        |                 |           |
| 24   | 011336      | 11A10 | Nguyễn Thành     | Nhân   | 02/07/2009 | Nam       |                 |           |

Danh sách gồm có 24 học sinh

Số bài: ..... Số tờ: .....

Số HS vắng: .....

Họ và tên: .....Lớp: ..... SBD: .....

Lộc Ninh, ngày tháng năm

**Giáo viên coi kiểm tra**

(Ký ghi rõ họ và tên)

**KHỐI 11**

**PHÒNG SỐ: 15**

| ST T | Số báo danh | Lớp   | Họ và tên       |       | Ngày sinh  | Giới tính | Mã đề/<br>Số tờ | HS ký tên |
|------|-------------|-------|-----------------|-------|------------|-----------|-----------------|-----------|
| 1    | 011337      | 11A10 | Nguyễn Minh     | Nhật  | 24/09/2009 | Nam       |                 |           |
| 2    | 011338      | 11A7  | Nguyễn Thị Ngọc | Nhi   | 27/03/2009 | Nữ        |                 |           |
| 3    | 011339      | 11A7  | Trương Ngọc     | Nhi   | 14/09/2009 | Nữ        |                 |           |
| 4    | 011340      | 11A9  | Châu Mẫn        | Nhi   | 22/01/2009 | Nữ        |                 |           |
| 5    | 011341      | 11A9  | Lê Thị Tuyết    | Nhi   | 14/07/2009 | Nữ        |                 |           |
| 6    | 011342      | 11A9  | Trần Thị Vân    | Nhi   | 16/10/2009 | Nữ        |                 |           |
| 7    | 011343      | 11A10 | Điền Thị Yến    | Nhi   | 09/02/2009 | Nữ        |                 |           |
| 8    | 011344      | 11A10 | Lô Thị Yến      | Nhi   | 26/12/2009 | Nữ        |                 |           |
| 9    | 011345      | 11A7  | Hồ Thị Quỳnh    | Như   | 15/03/2009 | Nữ        |                 |           |
| 10   | 011346      | 11A9  | Nguyễn Thị Yến  | Như   | 31/10/2009 | Nữ        |                 |           |
| 11   | 011347      | 11A9  | Đoàn Văn        | Nhuận | 09/11/2009 | Nam       |                 |           |
| 12   | 011348      | 11A7  | Trương Hoàng    | Phong | 03/07/2009 | Nam       |                 |           |
| 13   | 011349      | 11A9  | Nguyễn Đình     | Phong | 11/10/2009 | Nam       |                 |           |
| 14   | 011350      | 11A10 | Trần Đức        | Quang | 14/12/2009 | Nam       |                 |           |
| 15   | 011351      | 11A10 | Lê Mai Thiên    | Quốc  | 20/05/2008 | Nam       |                 |           |
| 16   | 011352      | 11A8  | Đào Xuân        | Quý   | 11/04/2009 | Nam       |                 |           |
| 17   | 011353      | 11A10 | Nguyễn Thị Như  | Quỳnh | 08/01/2009 | Nữ        |                 |           |
| 18   | 011354      | 11A8  | Lê Ngọc Hoàng   | Sơn   | 14/10/2009 | Nam       |                 |           |
| 19   | 011355      | 11A7  | Thị             | Sương | 07/05/2008 | Nữ        |                 |           |
| 20   | 011356      | 11A7  | Nguyễn Thành    | Tài   | 30/09/2009 | Nam       |                 |           |
| 21   | 011357      | 11A8  | Nguyễn Đức      | Tài   | 20/05/2008 | Nam       |                 |           |
| 22   | 011358      | 11A9  | Nguyễn Lê Thanh | Tâm   | 03/08/2009 | Nữ        |                 |           |
| 23   | 011359      | 11A8  | Dương Lộc       | Thái  | 18/05/2008 | Nam       |                 |           |
| 24   | 011360      | 11A8  | Nguyễn Trọng    | Thái  | 24/10/2009 | Nam       |                 |           |

Danh sách gồm có 24 học sinh

Số bài: ..... Số tờ: .....

Số HS vắng: .....

Họ và tên: .....Lớp: ..... SBD: .....

Lộc Ninh, ngày tháng năm

**Giáo viên coi kiểm tra**

(Ký ghi rõ họ và tên)

KHỐI 11

PHÒNG SỐ: 16

| ST T | Số báo danh | Lớp   | Họ và tên         |        | Ngày sinh  | Giới tính | Mã đề/<br>Số tờ | HS ký tên |
|------|-------------|-------|-------------------|--------|------------|-----------|-----------------|-----------|
| 1    | 011361      | 11A9  | Trần Mạnh         | Thắng  | 31/10/2009 | Nam       |                 |           |
| 2    | 011362      | 11A10 | Nguyễn Tuấn       | Thanh  | 25/12/2008 | Nam       |                 |           |
| 3    | 011363      | 11A8  | Đỗ Minh           | Thảo   | 28/04/2009 | Nữ        |                 |           |
| 4    | 011364      | 11A9  | Võ Minh           | Thảo   | 10/02/2009 | Nữ        |                 |           |
| 5    | 011365      | 11A9  | Nguyễn Trần Bảo   | Thi    | 18/10/2009 | Nữ        |                 |           |
| 6    | 011366      | 11A10 | Hoàng Xuân        | Thọ    | 26/11/2009 | Nam       |                 |           |
| 7    | 011367      | 11A10 | Trần Hữu          | Thom   | 11/04/2009 | Nam       |                 |           |
| 8    | 011368      | 11A7  | Trần Ngọc Minh    | Thư    | 07/11/2008 | Nữ        |                 |           |
| 9    | 011369      | 11A9  | Đoàn Anh          | Thư    | 07/01/2009 | Nữ        |                 |           |
| 10   | 011370      | 11A10 | Nguyễn Thị Minh   | Thư    | 12/08/2009 | Nữ        |                 |           |
| 11   | 011371      | 11A10 | Nguyễn Minh       | Thuận  | 10/02/2009 | Nam       |                 |           |
| 12   | 011372      | 11A9  | Nguyễn Thị Hoài   | Thương | 26/02/2009 | Nữ        |                 |           |
| 13   | 011373      | 11A8  | Đỗ Minh           | Thùy   | 28/04/2009 | Nữ        |                 |           |
| 14   | 011374      | 11A7  | Phạm Thị Thu      | Thủy   | 06/07/2009 | Nữ        |                 |           |
| 15   | 011375      | 11A10 | Nguyễn Bùi Như    | Thủy   | 13/12/2009 | Nữ        |                 |           |
| 16   | 011376      | 11A7  | Trần Thị Thủy     | Tiên   | 22/02/2009 | Nữ        |                 |           |
| 17   | 011377      | 11A8  | Mai Cẩm           | Tiên   | 02/02/2009 | Nữ        |                 |           |
| 18   | 011378      | 11A8  | Lâm Thị Kim       | Tiên   | 07/11/2009 | Nữ        |                 |           |
| 19   | 011379      | 11A7  | Nguyễn Phạm Thanh | Tình   | 01/05/2009 | Nam       |                 |           |
| 20   | 011380      | 11A8  | Lý Đắc            | Tới    | 20/05/2009 | Nam       |                 |           |
| 21   | 011381      | 11A8  | Lê Thị Bảo        | Trâm   | 14/07/2009 | Nữ        |                 |           |
| 22   | 011382      | 11A7  | Dương Bảo         | Trân   | 23/10/2009 | Nữ        |                 |           |
| 23   | 011383      | 11A7  | Nguyễn Thị Thuỳ   | Trang  | 27/01/2009 | Nữ        |                 |           |
| 24   | 011384      | 11A7  | Nguyễn Tăng Anh   | Trí    | 31/03/2009 | Nam       |                 |           |

Danh sách gồm có 24 học sinh

Số bài: ..... Số tờ: .....

Số HS vắng: .....

Họ và tên: .....Lớp: ..... SBD: .....

Lộc Ninh, ngày tháng năm

Giáo viên coi kiểm tra

(Ký ghi rõ họ và tên)

KHỐI 11

PHÒNG SỐ: 17

| ST T | Số báo danh | Lớp   | Họ và tên          |       | Ngày sinh  | Giới tính | Mã đề/ Số tờ | HS ký tên |
|------|-------------|-------|--------------------|-------|------------|-----------|--------------|-----------|
| 1    | 011385      | 11A7  | Phạm Nguyễn Thành  | Trí   | 04/08/2008 | Nam       |              |           |
| 2    | 011386      | 11A8  | Trần Nhật          | Triều | 14/05/2009 | Nam       |              |           |
| 3    | 011387      | 11A7  | Đào Thị Ngọc       | Trinh | 07/12/2009 | Nữ        |              |           |
| 4    | 011388      | 11A9  | Võ Thị Mỹ          | Trinh | 23/03/2009 | Nữ        |              |           |
| 5    | 011389      | 11A7  | Lê Văn             | Trọng | 19/07/2009 | Nam       |              |           |
| 6    | 011390      | 11A7  | Mã Thị Ngọc        | Trúc  | 16/12/2009 | Nữ        |              |           |
| 7    | 011391      | 11A9  | Đinh Thị Cẩm       | Tú    | 05/12/2009 | Nữ        |              |           |
| 8    | 011392      | 11A9  | Lê Đình Anh        | Tuấn  | 14/01/2009 | Nam       |              |           |
| 9    | 011393      | 11A7  | Lê Ngọc            | Tuyết | 26/01/2009 | Nữ        |              |           |
| 10   | 011394      | 11A9  | La Phương          | Uyên  | 23/05/2009 | Nữ        |              |           |
| 11   | 011395      | 11A10 | Thị                | Vi    | 19/05/2009 | Nữ        |              |           |
| 12   | 011396      | 11A7  | Dương Ngọc Thảo    | Vy    | 24/05/2009 | Nữ        |              |           |
| 13   | 011397      | 11A8  | Nguyễn Hoàng Khánh | Vy    | 13/01/2009 | Nữ        |              |           |
| 14   | 011398      | 11A9  | Trần Thị Thảo      | Vy    | 18/01/2009 | Nữ        |              |           |
| 15   | 011399      | 11A9  | Bùi Thị Thanh      | Xuân  | 04/06/2009 | Nữ        |              |           |
| 16   | 011400      | 11A7  | Nguyễn Thị Như     | Ý     | 29/12/2009 | Nữ        |              |           |
| 17   | 011401      | 11A8  | Lương Ngọc Như     | Ý     | 17/03/2009 | Nữ        |              |           |
| 18   | 011402      | 11A8  | Nguyễn Như         | Ý     | 28/10/2009 | Nữ        |              |           |
| 19   | 011403      | 11A9  | Nguyễn Hoàng       | Yến   | 16/01/2009 | Nữ        |              |           |

Danh sách gồm có 19 học sinh

Số bài: ..... Số tờ: .....

Số HS vắng: .....

Họ và tên: .....Lớp: ..... SBD: .....

Lộc Ninh, ngày    tháng    năm

Giáo viên coi kiểm tra

(Ký ghi rõ họ và tên)